

Bản án số: 66 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2022

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24-01-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 864/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 474/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 197; Địa chỉ: Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP HCM

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 197; Địa chỉ: Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP HCM

(Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận Tân Bình, nay là phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121/200, quyển số I/P.15 ngày 31/10/200.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông H không quan tâm chăm sóc cho gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc. Bà đã cố gắng khuyên can để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tinh thần bà ngày càng suy sụp. Nay bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống lo cho con cái. Tình cảm của bà dành cho ông H không còn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông H có hai con chung tên Nguyễn Thanh Toàn, sinh ngày 16/02/2000 và Nguyễn Trang Bảo N, sinh ngày 20/3/2001. Hiện tại con chung đang ở với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi trẻ Bảo N để tiếp tục lo cho cháu học hành và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ Thanh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do ông H vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông H vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về quan hệ con chung: có hai con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/02/2000 và Nguyễn Trang Bảo N, sinh ngày 20/3/2001. Khi ly hôn, giao trẻ Bảo N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu. Đối với trẻ Thanh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2000, quyển số I/P.15 ngày 31/10/2000 do Ủy ban nhân dân phường 15 quận Tân Bình nay là phường Tây

Thanh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà T yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho ông H theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông H không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía bà T để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo kết quả xác minh địa phương thì giữa bà T và ông H không ở chung từ tháng 5/2020. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà T và ông H đã có mâu thuẫn. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập đương sự, Thông báo hòa giải cho ông H tham gia các phiên hoà giải cũng như phiên toà hôm nay để tạo điều kiện hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt, điều đó thể hiện ông H hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* Bà T và ông H có hai con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/02/2000 và Nguyễn Trang Bảo N, sinh ngày 20/3/201. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi trẻ Bảo N, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ Thanh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi của con. Hiện nay trẻ Bảo N đang ở với bà T, do đó, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của con, tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Bảo N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận. Đối với trẻ Thanh T đã trưởng thành, sức khỏe tốt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Bà T nuôi trẻ Bảo N, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H

- Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà T là không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà T là không có nợ chung.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0071103 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm T được ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121/200, quyển số I/P.15 ngày 31/10/200 do Ủy ban nhân dân phường 15 quận Tân Bình nay là phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao trẻ tên Nguyễn Trang Bảo N, sinh ngày 20/3/201 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà T không yêu cầu. Đối với trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/02/200 đã trưởng thành, sức khỏe tốt nên không xem xét giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ

em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ghi nhận lời khai của bà T không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời khai của bà T không có nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diễm T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071103 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai